

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản cát, sỏi, cuội làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi BTM8-ĐC thôn Thanh Trước, xã Trà Đông, huyện Bắc Trà My.
- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến.
- Địa chỉ: 100 Hồ Nghinh, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.
- Người đại diện pháp luật: (Ông) Trịnh Hùng Vương
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0913.559.171
- Phạm vi dự án:

+ Diện tích khai thác: 6,63ha

+ Đất thuê, xây dựng công trình quản lý mỏ và bãi chứa sản phẩm: 0,15ha.

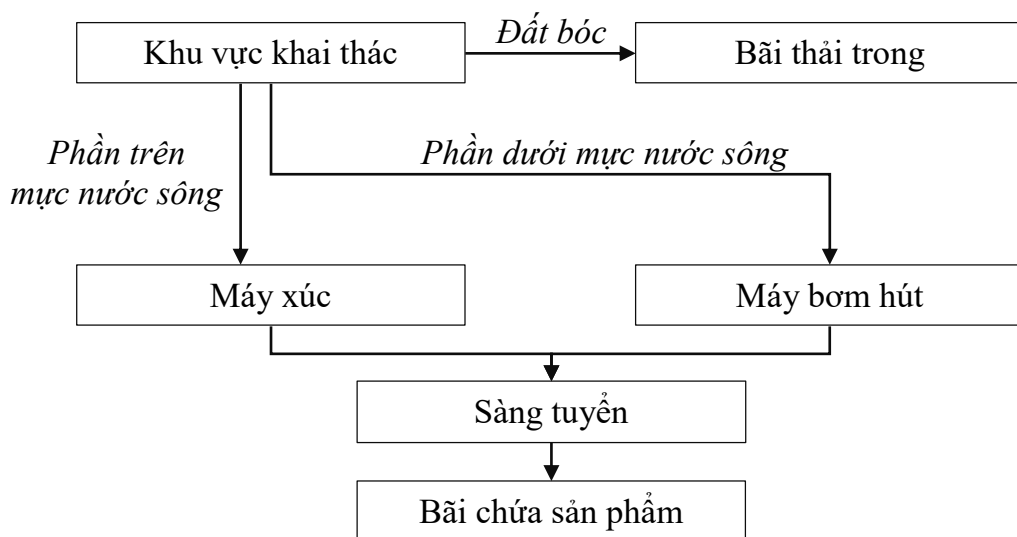
- Quy mô dự án: trữ lượng của mỏ là 142.456m³ cát, sỏi và cuội nguyên khối.
Trong đó:

+ Trữ lượng cát: 131.961m³;

+ Trữ lượng sỏi: 7.854m³;

+ Trữ lượng cuội (khoáng sản đi kèm): 2.641m³.

- Khối lượng đất bóc (lớp phủ): 11.050m³.
- Công suất khai thác: 16.942m³ cát, sỏi và cuội nguyên khối/năm.
- Tiến độ thực hiện dự án: Thời gian tồn tại của mỏ là 8 năm 4 tháng kể từ ngày được cấp phép khai thác.
- Công nghệ khai thác:



Hình 1. Quy trình công nghệ khai thác của dự án

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Bảng 1. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Hạng mục	Kết cấu	Đơn vị	Diện tích
I	Khai trường	-	ha	6,63
II	Bãi chứa sản phẩm	-	ha	0,15
1	Nhà làm việc và sinh hoạt	Nhà cấp 4 lắp ghép, mái lợp tôn, tường xây gạch	m ²	70
2	Nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh di động	m ²	12
3	Phòng kho vật tư, dụng cụ	Nhà cấp 4 lắp ghép, mái lợp tôn, tường xây gạch	m ²	12
4	Kho chứa chất thải nguy hại	Nhà cấp 4 lắp ghép, mái lợp tôn, tường xây gạch	m ²	12
5	Lán trạm cân	Nhà cấp 4 lắp ghép, mái lợp tôn, tường be tôn lửng	m ²	4,5
6	Bãi rửa xe cơ giới	Xây bờ và tráng xi măng	m ²	15
7	Hố lắng	Đào sâu xuống nền đất và xây gạch bao quanh	m ²	24
8	Đường bê tông	Đầm và đổ bê tông	m ²	200
9	Bãi chứa sản phẩm	San phẳng, đầm chặt	m ²	850
10	Rãnh thoát nước mưa tại bãi chứa sản phẩm		m	14
11	Sân bãi	-	m ²	300,5
III	Đường hào ngoài mỏ	Đường 2 làn xe chạy, mặt đường cấp phối đất nện	m	735

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

Bảng 2. Tổng hợp các nguồn phát sinh tác động ảnh hưởng đến môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Nguồn tác động	Phạm vi tác động	Đối tượng bị tác động
I. Tác động liên quan đến chất thải		
Khí thải từ máy móc khai thác, chế biến	- Tại nguồn phát sinh	- Môi trường không khí tại khu mỏ - Công nhân vận hành máy móc
Bụi, khí thải do hoạt động vận chuyển	- Trên đường hào ngoài mỏ	- Môi trường không khí tại tuyến đường vận chuyển

Nguồn tác động	Phạm vi tác động	Đối tượng bị tác động
- CTR sinh hoạt	- Trong phạm vi bãi chứa sản phẩm	- Môi trường đất tại vị trí xả thải. - Môi trường không khí tại vị trí xả thải.
- CTNH	- Trong phạm vi bãi chứa sản phẩm	- Môi trường đất tại vị trí xả thải. - Nước mưa chảy tràn.
II. Tác động không liên quan đến chất thải		
Tiếng ồn từ hoạt động khai thác, chế biến	Tại mỏ và khu vực lân cận	- Môi trường không khí, công nhân viên làm việc tại mỏ.
Tiếng ồn từ các phương tiện vận tải.	Trong phạm vi mỏ, tuyến đường vận chuyển	- CNV làm việc tại mỏ.
Nước mưa chảy tràn	Khu vực bãi chứa sản phẩm	- Khu vực bãi chứa sản phẩm
Tác động đến hệ sinh thái.	Trong phạm vi khai trường	- Cảnh quan, diện mạo khu vực. - Chất lượng, đặc tính đất khu vực. - Động vật sinh sống trong khu vực.
III. Tác động đến KT-XH		
Hoạt động của khu mỏ.	Khu vực thôn Thanh Trước, xã Trà Đông	- Giải quyết nhu cầu việc làm cho lao động địa phương. - Thay đổi cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng công nghiệp. - Đáp ứng nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng.
Hoạt động vận tải	- Trong và xung quanh khu mỏ.	- Người dân sinh sống hai bên đường vận chuyển - Chất lượng của tuyến đường phương tiện vận chuyển đi qua.
Tập trung công nhân	- Trong và xung quanh khu mỏ.	- An ninh trật tự tại Khu vực thôn Thanh Trước, xã Trà Đông

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

Bảng 3. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

STT	Hạng mục	Số lượng	Kết cấu	Đơn vị	Khối lượng
1	Nhà vệ sinh di động	01	Thiết bị lắp dựng sẵn	m ²	12
2	Kho chứa chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt	01	Nhà cấp 4 lắp ghép, mái lợp tôn, tường xây gạch	m ²	12
3	Hố lắng	01	Gồm 03 bể lắng nối tiếp nhau, chiều sâu 0,4m	m ²	24
4	Rãnh thoát nước mưa	01		m	14
Tổng		03		m²	9

5.4.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án lựa chọn thực hiện: Tháo dỡ công trình, cải tạo tuyến đường vận chuyển, cấm biển cảnh báo.

Bảng 4. Tổng hợp các công việc cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng công việc
I	Khu vực khai thác		
1	Tháo dỡ mố ranh giới	Tấn	0,25
2	Tháo dỡ máy hút cát, sỏi	Tấn	0,3
3	Tháo dỡ hệ thống sàng tuyển	Tấn	1
4	Cấm biển báo nguy hiểm	Cái	3
5	Cải tạo bờ moong	-	-
II	Khu vực bãi chứa sản phẩm		
1	Tháo dỡ nhà vệ sinh di động	Tấn	0,2
2	Tháo dỡ nhà làm việc và sinh hoạt	m ²	70
3	Tháo dỡ kho vật tư	m ²	12
4	Tháo dỡ kho chất thải nguy hại	m ²	12
5	Tháo dỡ lán trạm cân	m ²	4,5
6	Tháo dỡ trạm cân	Tấn	2
7	Phá dỡ hố lắng	m ³	9
8	Phá dỡ bãi rửa xe cơ giới	m ³	3
III	Khu vực ngoài mỏ		
1	San gạt tuyến đường ngoài mỏ	m ²	3.675

Bảng 5. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Công tác	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
1	Tháo dỡ các mố ranh giới, các công trình phục vụ khai thác	Sau khi kết thúc khai thác	20 ngày
2	Gia cố bờ sông	Song song quá trình khai thác	Song song quá trình khai thác
3	Lập biển báo	Sau khi kết thúc khai thác	3 ngày
2	San gạt tuyến đường ngoài mỏ	Song song trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác	10 ngày (sau khi kết thúc khai thác)

Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 137.200.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Theo quy định tại Điều 37 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, với thời gian khai thác là 7 năm 10 tháng (7,93 năm), Công ty sẽ thực hiện ký quỹ nhiều lần. Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Căn cứ điều 111 và điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ.

Tuy nhiên, Công ty sẽ thực hiện giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh như sau:

- Hạng mục giám sát: Chất lượng môi trường không khí xung quanh
- Vị trí giám sát: Công ra vào khu vực dự án
- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Áp dụng đối với khu vực thông thường.